Phần Mở Đầu

Kinh Tăng Nhất A-Hàm (HT Thích Thanh Từ - VNC PHVN, 2022)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM

%

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THANH DlểlPHAT GIAO VIETNAM

TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bô PHÁI 06

KINH TẢNG NHẤTA-HÀM

Việt dịch: Hòa thượng THÍCH THANH TỪ Hiệu đính: Hòa thượng THÍCH THIỆN SIÊU

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THỂ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẢNG GIÁC

HÔI ĐÔNG CHỨNG MINH '(Nhiệm kỳ 2017-2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM • Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HÔI ĐÒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH
• Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
-Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
• Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
• Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO Bô PHÁI

w

•Trưởng ban
-Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
•Phó Trưởng ban
-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
. Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
-Hòa thượng THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
. Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
•Thư ký Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập
-Hoa thượng THÍCH THÔNG THIỀN
Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN HUNG
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN TRANG
-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
•Trưởng ban Tài chánh Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật rong Kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp luân"? nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Dĩ Thảnh giáo vỉ minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm

vi tri đăng chiếu kinh u chỉ9' ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá tri Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhát trong lịch sử phong kiên nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Bạo pháp - Dân tộc.59 Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mách", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tôn ở thê gian mà còn góp phân làm cho

viii KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ? hành Như Lai SỊT.” Nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyên, thê giới hòa binh, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Narrf\ vốn chiu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam'\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phô biên của cộng đông Phật giáo thê giới hiện nay. Khái niệm "Đại tạng kinh” chỉ đề c đến "Kinh tạng” (P. Sutta Pltaka. H.)tức kho
tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng

hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn

x KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammā, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vìnaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhidharma, H.,Vô tỷ pháp). Thánh điên Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khâu truyên, được cho là bằng ngon ngữ Pãli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lim truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bôi và lim truyên đên ngày nay. Hai tác phàm Đảo sử (JDīpavamsa) và Đại sử (Mahãvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pâli băt đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tôn tại với ân bản Sanskrit, phân lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điên Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gôm hai tạng: Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đen những the kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa so người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vao năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bắt-nhã. Pháp Hoa. Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Niết-bàn, Đại TQp); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm. Tăng nhất A-hànì), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Thượng tọa Thích Trí Thành í^rường A-hàm, Tạp A-hani). VV...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pãli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên

dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tinh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản tri VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ? Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hằrửi Kinh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kê tiêp, Hòa thượng cho ấn hành các tạp Kỉnh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, III). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kỉnh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thánh nhân kỷ SỊT, Phật sử, Hạnh tạng và Milinda van đạo.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh ()có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng (1924-1934) do các học

giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo An Độ, có nguồn góc từ Trường Đại học Nālandā nôi tiêng và một sô bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyên đặc thù, vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyên mà ngày nay không tìm thây trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam chỉ mới hoàn tát gân một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā, Tu tuệ). Đê tạo nên bản sac văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điển

LỜI GIỚI THIỆU xiii

Phật giảo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tinh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vôn là nhân khô đau, đông thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phân làm cho Tô quôc Việt Nam ngày càng giàu mạnh và phát triên bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư

tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiều thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức ét Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải, ở An Độ, lan kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khâu truyên. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Anh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điên Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào the kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pâli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam

truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pâli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pâli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pâli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoan thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kỉnh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá tre, có 9 bản Đại tạng, Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishỗ Shinshũ Daizõkyỗ,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn, bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá. Đen thời nhà Lý? việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quôc gia là khác gô Đại tạng kinh. Trải qua những biên thiên của lịch sử5 thê hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện, như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton

đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn5 Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Đinh Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Băc truyên, hoặc có một phân của nhau, nhimg không đây đủ. Trong khi đó5 Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cau trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phàn: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra? còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán? Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý5 nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam lên một tâm cao mới, đặt một dâu ân cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bí, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó? độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các để bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiên. Mặt khác, Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiêu cho việc biên tập và dịch bô sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thông, tính

nhát quán khoa học, nâng cao giá tri hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả? nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy dỉT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ân hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yêm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công dức, nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV MỤC LỤC..... xxi BẢNG VIẾT TẮT..... XXV BÀI TỰA..... xxxi

TĂNG NHẤT A-HÀM 1. PHẨM TƯA..... l 2. PHẨM THẬP NIỆM..... 13 3. PHẨM QUẢNG DIỄN..... 17 4. PHẨM ĐỆ TỬ..... 27 5. PHÀM TỲ-KHEO-NI.....31 6. PHẨM THANH TÍN sĩ

(ƯU-BÀ-TẮC)..... 33 7. PHẨM THANH TÍN NỮ (ƯU-BÀ-DI)..... 35 8. PHẨM A-TU-LA..... 37 9. PHẨM MỘT ĐỨA CON..... 41 10. PHẨM HỘ TÂM..... 47 11. PHẨM BẤT ĐÃI..... 55 12. PHẨM NHẬP ĐẠO.....61 13. PHẨM LỢI DƯỠNG..... 71 14. PHẨM NGŨ GIỚI..... 85 15. PHẨM HỮU VÔ..... 89 16. PHẨM HỎA DIỆT..... 93 17. PHẨM AN-BAN (1)..... 103 17. PHẨM AN-BAN (2)..... 107 18. PHẨM TÀM QUÝ..... 121

19. PHẨM KHUYẾN THỈNH..... 139 20. PHẨM THIỆN TRI THỨC..... 151 21. PHẨM TAM BẢO..... 167 22. PHẨM CÚNG DƯỜNG..... 181 23. PHẨM ĐỊA CHỦ..... 187 24. PHẨM CAO TRÀNG..... 205 25. PHẨM TỨ ĐẾ..... 249 26. PHẨM TỨ Ý ĐOẠN..... 261 27. PHẨM TỨ ĐẾ..... 283 28. PHẨM THANH VĂN..... 293 29. PHẨM KHỔ LẠC.....315 30. PHẨM TU-ĐÀ..... 327 31. PHẨM TĂNG THƯỢNG..... 345 32. PHẨM THIỆN TỤ.....367 33. PHẨM NGŨ VƯƠNG..... 391 34. PHẨM ĐẲNG KIẾN..... 413 35. PHẨM TÀ Tư..... 439 36. PHẨM THÍNH PHÁP ..... 451 37. PHẨM LỤC TRỌNG..... 469 38. PHẨM Lực..... 495 39. PHẨM ĐẲNG PHÁP..... 527 40. PHẨM THẤT NHẬT..... 547 41. PHẨM MẠC ÚY..... 571 42. PHẨM BÁT NẠN.....579 43. PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI VỀ BÁT CHÁNH..... 605 44. PHẨM CHÍN NƠI cư TRÚ CỦA CHÚNG SANH..... 631 45. PHẨM MÃ VƯƠNG..... 645 46. PHẨM KẾT

CẤM.....663 47. PHẨM THIỆN Ác.....677 48. PHẨM THẬP BẤT THIỆN.....693 49. PHẨM CHĂN TRÂU..... 715 50. PHẨM LỄ TAM BẢO..... 753

51. PHẨM PHI THƯỜNG..... 777 52. PHẨM ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN..... 797

PHỤ LỤC l..... 823 PHỤ LỤC 2..... 831 SÁCH DẪN..... 837

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Añguttara Nikãya (Kinh Tăng chi bộ)
AA. Añguttara Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tăng chỉ bộ)
Áp. Apadãna (Thánh nhăn ky sự)
ÁpA. Apadãna Atthakathā (Chủ giải Thánh nhân ky sự)
Asi. Atthasālinī (Chủ giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā {Chú giải Phật sử)
CNỈd. CũỊaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. Cūlaniddesa Atthakathā
(Chu giải Tiêu nghĩa thích / Chu giai Tiêu diên giai)
Cp. Cariyāpitaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chủ giải Hạnh tạng)
Cv. Cūlavagga (Tiểu phẩm)
Cvs. CũỊavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nikāya (Kinh Trường bộ)
DA. Dīghā Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kinh Trường bộ)
Dh. Dhammapada (Kỉnh Pháp cu)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chú giải Kinh Pháp cu)
Dhs. Dhammasanganī (Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)
Gãt. Gāthā (Therā và Therī): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Nỉ kệ ít. Itivuttaka (Kinh Phật thuyết như vậy)
ItA. Itivuttaka Atthakathā (Chủ giải Kinh Phật thuyêt như vầy) ___ y
J. Jātaka (Chuyện Tiên thân)
Kh. Khuddakapātha {Tiêu tụng)

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghỉ) Kv. Kathāvatthu (Luân sự / Những điểm di biệt) M. Majjhimā Nikãya (Kinh Trung bộ) MA Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kinh Trung bọ) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miỉn. Milindapañha (Mỉ-tiên vấn đáp / Milỉnda vấn đạo) MNid. Mahãniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahāniddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diên giải) MT. M(ỳjhỉma Nỉkãya Tīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ) ọ Mv. Mahāvagga (Đại phàm) Nid. Nỉddesa (Nghĩa thích / Diễn giải) NidA. Niddesa Atthakathā (Chủ giải Nghĩa thích / Chủ giải Diễn giải) Netti. Nettỉpakaraụa (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kỉnh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patỉsambhỉdãmagga {Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo) Pug. Puggalapañňatti (Nhân thỉ thiết) PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chú giải Nhân thỉ thiết) Pv. Petavatthu (Nga quỷ sự / Chuyện nga quỹ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Ngợ quỷ sự / Chủ giải Chuyện nga quỹ) S. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bô) SA. Samyutta Nỉkâya Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Tương ưng bọ) Sn. Suttanỉpãta {Kỉnh tập) SnA. Suttanỉpãta Atthakathā (Chú giải Kỉnh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chú giải Kỉnh Trường bộ) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragâthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā (Trưởng lão Nỉ kệ)

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thūpavarnsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udāna Atthakathā
(Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chủ giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upāsakcyanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh Vỉbhariga (Phân tích)
VbhA. Vibhariga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin, Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathā (Chủ giải Luật tạng)
Vỉsm. Visuddhimagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện thiên cung)
VvA. Vimānavatthu Atthakathā
{Chú giải Thiên cung sự / Chủ giải Chuyện thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đối)
TÁC PHẨM TIÊNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahãvastu (Đại sự)
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bắt-niếí-bàn)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-scrỉpt Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BL Buddhist India (Phật giáo Ân Đô) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Câm nang Tâm ly Đạo đức Phật giảo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chỉ bộ)

xxviii KINH TẢNG NHẤT A-HÀM _____

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bô) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Milinda {Milinda vấn đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm dị biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo) SBE. The Sacred Books of the East (Thánh điên phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./ĐỢÍ./T. Đại Chánh tăn tu Đại tạng ()

N. Nam truyền Đại tạng()

Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm ()

Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm kinh (,Ekottarikãgamă)

Tạp./SĀ. Tạp A-hàm (,Samyuktāgama)

Trung./MA. Trung A-hàm kỉnh (,Mādhyamāgamd)

Trường,/DÃ, Trường A-hàm kỉnh (,Dĩrghãgamà)

TỪ ĐIỂN BHSD, Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hôn hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pāli-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT xxix

TỔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (HỘI Thánh điển Pali) CBETA. Chinese Buddhist Electronic Text Association ( )(Hiep hội Phật điển điện tử Trung Hoa) SAT. The SAT Daizokyo Text Database (Cơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh) VRI. Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thánh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chí Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập TTDTTT. Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh TTTOPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam

Tiếng Anh AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiêu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân... (v.v...)

XXX KINH TẢNG NHẤT A-HÀM

f./ if. (following pages) trang kế tiếp / các trang kế tiếp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang tr. (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ5 kệ ngôn Ven. (Venerable) Thượng tọa vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyển / các tập, các quyển

BÀITỰÀ KINH TĂNG NHẤT A-HÀM Ý nghĩa của bốn bộ A-hàm đồng với Trung A-hàm ở phần đầu là nói rõ tôn chỉ, nên không lập lời tựa. Tăng nhất A-hàm là so sánh sự mạch lạc của pháp rồi dùng số mà xếp thứ tự. Số tận cùng là "mu&i", thêm vào nên gọi là "tăng nhất." Mỗi pháp số tăng dân, nên lây tăng làm nghĩa. Pháp ây phân lớn ghi chép vê câm luật đê làm mẫu mực nghiêm ngặt và là điều kiện kiểm đinh độ đời. Ngoại quốc từ người ở núi đến người ở biển, phần nhiều thường tụng ngâm bốn bộ A-hàm này. Có vi Sa-môn nước ngoài tên Đàm-ma-nan-đề? người nước Đâu-khư-lặc? xuất gia từ bé, học rộng nghe nhiều, tụng hai bộ A-hàm, ôn điều cũ để ngày càng mới, đi khắp các nước, không nơi nào không qua. Đời Tần, niên hiệu Kiến Nguyên thứ 20, ngài đến Trường An, người nước ngoài đều hâm mộ. Quan Thái thú Vũ Oai là Triệu Văn Nghiệp thỉnh ngài tuyên đọc; ngài Phật Niệm dịch truyền; ngài Đàm Trung sửa chữa. Mùa hạ năm Giáp Thân bát đâu, đên mùa xuân năm sau thì xong, được 41 quyên, phân làm hai bộ Thượng và Hạ. Bộ Thượng gôm 26 quyển trọn vẹn không bị quên sót, bộ Hạ 15 quyển, mất phần ghi kệ. Tôi cùng với Pháp Hòa khảo chính lại; Tăng Lược, Tăng Mậu phụ giúp xem xét những chỗ thiếu sót, bốn mươi ngày thì xong. Năm này có trận đánh ở A Thành, tiếng trống gần kề mà chúng tôi vẫn chuyên tâm trong việc này. Trọn đủ hai bộ A-hàm là 100 quyển. Hai ngài Tỳ-bà-sa và Tu-mật-tăng-già-la-sát truyền sang đây (Trung Hoa) năm bộ kinh lớn. Từ khi pháp truyền sang phương Đông, hai ngài là người đọc kinh để dịch ưu việt hơn hết. Bốn bộ A-hàm do bốn mươi vị cao đức biên tập, mười vị tuyển chọn một bộ: Bắt đầu từ đề mục và chấm dứt bằng bài kệ. Sợ giáo pháp lim truyên ở đời lâu ngày bị thát lạc, thiêu sót, nên cõi này trước đây ghi lại các kinh đành rành; trong số ấy, nay có hai bộ A-hàm, mỗi mỗi viết lại một quyển mới, giữ trọn số mục cũ của kinh, ghi chú về sự thêm thắt, mất mát của kinh, khiến cho người đọc tìm thấy được sự sai khác. Hai bộ Thượng và Hạ gồm có 472 kinh; phàm các vị học sĩ tuyển chọn hai bộ A-hàm này, trong đó thường có những lời dạy về luật, người nước ngoài

không rõ, xem Sa-di và cư sĩ cùng như nhau. Từ nay về sau, mong rằng cùng

giữ gìn điều này như luật định! Đây chính là việc cấp thiết của nước ta. Những lời dạy căn dặn đinh ninh của đức Thế Tôn, xin chớ nghe một cách sơ suất! Học rộng mà không biết gìn giữ cấm giới là một tì vết trong sự thông suốt của giới học sĩ. Khương Hạnh Tường dịch Kỉnh Trung bản khởi, dịch luôn phẩm “Bại Ái Đạo,9 trong đó mà không biết đó là kinh cấm, là phép của Tỳ-kheo-ni5 rất cần phải cắt bỏ đi. Đây là một sự thô lậu lớn, đáng đau xót vậy! Hai bộ kinh này, bậc đạo sĩ hữu lực mới có thể xem, cần phải để tâm! Còn như người khinh thường không đe ý, mong các vị đong chí với tôi kêu gọi sửa đổi điêu này! Đời Tẩn, Sa-môn Thích Đạo An viết

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.